

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT NĂNG LỰC PHÁT ÂM
THANH ĐIỀU TỪ SONG ÂM TIẾT
TRONG TIẾNG PHỔ THÔNG TRUNG QUỐC CỦA HỌC
SINH NGƯỜI VIỆT GỐC HOA (NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM)
BẠCH VĂN PHÁT* - HỒ MINH QUANG****

TÓM TẮT: Bài viết sử dụng phương pháp phân tích âm học nhằm tìm hiểu năng lực phát âm thanh điệu trong các từ song âm tiết tiếng Trung của học sinh người Việt gốc Hoa. Bài viết đã phân tích 12 cộng tác viên (CTV) người Việt gốc Hoa và 10 CTV người bản ngữ Trung Quốc, tổng 4.224 cứ liệu. Kết quả cho thấy: Đường nét thanh 1 trong các tổ hợp thanh điệu ở CTV nam và nữ người Việt gốc Hoa không “ổn định” như CTV người bản ngữ Trung Quốc. Đại đa số thanh 2 xuất hiện trong các tổ hợp của CTV nam và nữ người Việt gốc Hoa đều có cao độ là [24]. Ngoài ra, cả CTV nam và nữ đều gặp vấn đề đối với thanh 4. Vị trí điểm kết thúc thanh 4 luôn cao hơn so với CTV người bản ngữ Trung Quốc.

TỪ KHÓA: học sinh Việt Nam; người Việt gốc Hoa; thanh điệu tiếng Trung; phân tích âm học; thụ đắc ngôn ngữ.

NHẬN BÀI: 29/10/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/06/2025

1. Dẫn nhập

Tiếng Việt và tiếng phổ thông Trung Quốc là hai ngôn ngữ cùng loại hình đơn lập nên có những điểm tương đồng, nhưng song có nhiều điểm khác biệt. Chính những điểm khác biệt này khiến cho học sinh Việt Nam mắc phải nhiều lỗi trong quá trình học tập, trong đó thể hiện rõ ràng nhất trên bình diện ngữ âm. Những vấn đề này đã nhận được nhiều sự quan tâm, chú ý của các học giả và nhà nghiên cứu.

Về thanh điệu, học sinh Việt Nam thường đọc sai thanh 4, và được đọc thay thế bằng thanh 1 (Wu Menqi, Hu Mingguang, 2004) hoặc học sinh thường dùng thanh bằng của tiếng Việt [44] để đọc thanh 1 trong tiếng Trung (Luo Caiwen, 2016), v.v. Về phụ âm, âm bật hơi và âm không bật hơi bị lẫn lộn, chẳng hạn âm “j” đọc thành “q” (Deng Hongli, 2016); hoặc phụ âm tắt, bật hơi học sinh nam phát âm tốt hơn học sinh nữ (Fan Xiuying, 2020), v.v. Về nguyên âm, học sinh dễ mắc lỗi sai ở các nguyên âm như “u(e)i”, “i(o)u” (Huang Biyu, 2011), hay âm [a] sẽ được đọc thay thế bằng âm [a], [A] trong tiếng Trung hoặc âm [a] trong tiếng Việt (Bach Văn Phát, 2021), v.v.

Từ đó, không khó nhận ra rằng, việc nghiên cứu lỗi ngữ âm tiếng Trung của học sinh Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu. Thế nhưng, trong số các tài liệu chúng tôi thu thập được, cho đến nay vẫn còn rất ít công trình nghiên cứu về lỗi phát âm tiếng Trung của học sinh người Việt gốc Hoa, mà hầu hết các nghiên cứu trước đây đều tập trung vào các khía cạnh khác như văn hóa, phong tục tập quán hay giáo dục nói chung. Việt Nam, có nhiều người Việt gốc Hoa (tính đến 0h ngày 1/4/2019, dân số Việt Nam đạt 96.208.984, trong đó có 749.466 người gốc Hoa trên cả nước)¹, phân bố chủ yếu ở miền Nam, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM có dân số hơn 7 triệu người, gồm 52 dân tộc, trong đó có hơn 414.000 người gốc Hoa, chiếm 5,78% dân số thành phố²). Hơn nữa, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi cũng phát hiện rằng, học sinh người Việt gốc Hoa thường xuyên phát âm không đúng thanh điệu tiếng phổ thông Trung Quốc hoặc sẽ đọc thay thế bằng thanh điệu trong tiếng mẹ đẻ của họ. Chúng tôi cho rằng, đây cũng chính là một dạng lỗi phát âm. Thế nhưng, đối với vấn đề này hiện vẫn là một khoảng trống trong nghiên cứu. Do đó, bài viết này của chúng tôi sẽ điền khuyết vào khoảng trống này. Mặt khác, tiếng Trung là ngôn ngữ có thanh điệu, vì vậy chúng tôi sẽ bắt đầu nghiên cứu từ phương diện này.

Bài viết tập trung nghiên cứu năng lực phát âm thanh điệu của từ song âm tiết trong tiếng Trung. Sở dĩ lựa chọn từ song âm tiết, chúng tôi xuất phát từ một số lý do sau. Trước hết, việc nắm vững thanh điệu từ đơn âm tiết là chưa đủ, vì các dạng biến đổi thanh điệu trong ngữ lưu sẽ khiến cho người học tiếng Trung phát âm không được tự nhiên, dễ hình thành “Giọng nói nước ngoài (洋腔洋调)”. Thứ hai, “Sự thay đổi

*Trường Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Trung Quốc; Email: phat.bachvan2410@gmail.com

**TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh;

Email: quangho@hcmussh.edu.vn

thanh điệu liên tục trong tiếng Hán hiện đại chủ yếu gặp ở từ song âm tiết. Thanh điệu trong từ song âm tiết là sản phẩm tự nhiên của sự kết hợp của các thanh điệu khác nhau và là đơn vị cơ bản của ngữ điệu” (Wu Zongji, 1982). Sự thay đổi thanh điệu liên tục có thể xảy ra giữa hai âm tiết, ba âm tiết, bốn âm tiết hoặc thậm chí nhiều âm tiết hơn nữa, nhưng nhìn chung, hiện tượng này cơ bản đã xảy ra ở từ song âm tiết. Cuối cùng, các từ song âm tiết chiếm đại đa số trong tiếng Trung. Rất nhiều người học tiếng Trung về cơ bản không gặp vấn đề với thanh điệu ở từ đơn âm tiết, nhưng lại xuất hiện nhiều lỗi sai trong dòng ngữ lưu.

Bài viết chủ yếu tìm hiểu hai vấn đề sau: Thứ nhất, biểu hiện âm học năng lực phát âm thanh điệu các từ song âm tiết của học sinh người Việt gốc Hoa như thế nào? Thứ hai, cách phát âm này giống hay khác với người bản ngữ Trung Quốc? Ý nghĩa nghiên cứu của bài viết này chủ yếu gồm: Thứ nhất, cung cấp thêm công trình nghiên cứu thực nghiệm về các tiêu chuẩn giảng dạy thanh điệu tiếng Trung dành cho học sinh người Việt gốc Hoa. Thứ hai, tiếp tục mở rộng các hạng mục nghiên cứu về quá trình thụ đắc ngữ âm tiếng phổ thông Trung Quốc của học sinh người Việt gốc Hoa.

2. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chúng tôi đã tuyển 10 công tác viên (CTV) người bản ngữ Trung Quốc (5 nam và 5 nữ). Tất cả CTV này đều thông qua kì thi đánh giá tiếng phổ thông Trung Quốc (cấp độ 2A). Về CTV người Việt gốc Hoa, chúng tôi có một số cân nhắc và gặp một số khó khăn trong việc lựa chọn đối tượng đại diện. Hiện nay, chương trình đào tạo tiếng Trung duy nhất tại TP.HCM dành riêng cho học sinh gốc Hoa là trường Văn Lang nằm ở Quận 5 TP.HCM. Hầu hết học sinh trung học phổ thông ở trường này đều có trình độ tiếng Trung trung cấp. Tuy nhiên, do chính sách của nhà trường và một vài lí do khác, trình độ, độ tuổi của học sinh trong cùng một lớp tiếng Trung không được sắp xếp và phân loại đồng đều. Vì vậy, tổng hợp các yếu tố trên, chúng tôi quyết định chọn 12 đối tượng có trình độ ngang nhau, đều có chứng chỉ HSK cấp 4 và HSKK trung cấp để tham gia khảo sát thực nghiệm. CTV gồm 6 nam và 6 nữ, độ tuổi tầm 18 tuổi, đều sinh ra và lớn lên tại TP.HCM. CTV đều là người Việt gốc Hoa, tiếng mẹ đẻ là tiếng Quảng Đông, tần suất sử dụng tiếng Quảng Đông cao trong đời sống hàng ngày.

2.2. Mục đích khảo sát

Bài viết tiến hành khảo sát thực nghiệm đối với học sinh người Việt gốc Hoa và tiến hành phân tích âm học thanh điệu từ song âm tiết và biến điệu thanh 3 trong tiếng Trung. Tiếp đó, phân tích đặc trưng âm học thanh điệu CTV dựa trên kết quả thực nghiệm thu được, nhằm làm cơ sở tham khảo và giải thích về mặt âm học trong việc dạy thanh điệu tiếng Trung cho học sinh người Việt gốc Hoa.

2.3. Danh sách từ khảo sát

Các từ song âm tiết được chọn từ "Bộ tiêu chuẩn phân cấp trình độ giáo dục Trung văn quốc tế" (2021) và có 16 nhóm tổ hợp thanh điệu (không xem xét thanh nhẹ và biến điệu chữ "一" và "不"). Chúng tôi đã chọn 6 từ cho mỗi nhóm, tổng cộng 96 từ, 192 âm tiết, 4224 mẫu. Dưới mỗi từ đều có ghi phiên âm. Trong đó, mặc dù cách phát âm thực tế của hai tổ hợp "Thanh 2 + Thanh 3" và "Thanh 3 + Thanh 3" là giống nhau, nhưng để khảo sát một cách toàn diện nhất, chúng tôi vẫn phân tích nhóm "Thanh 3 + Thanh 3".

2.4. Các bước thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành ghi âm trong môi trường yên tĩnh và sắp xếp ngẫu nhiên danh sách từ khảo sát. Vì việc nhận dạng chữ Hán không phải trọng tâm của bài viết này nên dưới mỗi từ chúng tôi đều ghi kèm phiên âm.

Trước khi chính thức bước vào thực nghiệm, các CTV sẽ được luyện tập đọc 32 từ đơn âm tiết (có kết hợp 4 thanh điệu, theo thứ tự ngẫu nhiên) và 64 từ song âm tiết (có kết hợp 4 thanh điệu, theo thứ tự ngẫu nhiên). Sau khi đảm bảo các CTV đã quen với quy trình thực nghiệm và hiểu rõ các yêu cầu, chúng tôi chính thức ghi âm. Tất cả các CTV đều đọc ở tốc độ nói tự nhiên. Bản ghi này sử dụng phần mềm Praat (6.2.23) trên Macbook. Tốc độ lấy mẫu văn bản là 44,1kHz, độ chính xác là 16 bit và định dạng lưu trữ là WAV.

2.5. Xử lí mẫu và số liệu

Khi xác định ranh giới lớp thanh điệu, chúng tôi chỉ đánh dấu đoạn ổn định của thanh điệu, tức phần mang thông tin cao độ của thanh điệu (Howie, 1976). Tiếp đến, chúng tôi xác định 9 điểm giá trị tần số cơ bản (F0) ở đoạn ổn định trong mỗi âm tiết đã được trích xuất bằng phần mềm Praat, tổng cộng 18 giá trị cho từ song âm tiết. Để loại bỏ sự khác biệt cá nhân giữa những CTV, thực nghiệm này đã chuyển đổi các giá trị tần số cơ bản (đơn vị: Hz) thành các giá trị T và chuẩn hóa chúng, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tính toán và so sánh giữa những CTV. Chúng tôi đã thu được các đường nét cao độ từ song âm tiết của hai nhóm: Nhóm bản ngữ và nhóm thực nghiệm.

Công cụ thống kê được sử dụng chủ yếu là Microsoft Excel 2011. Công thức tính giá trị T (Shi Feng & Liao Rongrong, 1994) như sau:

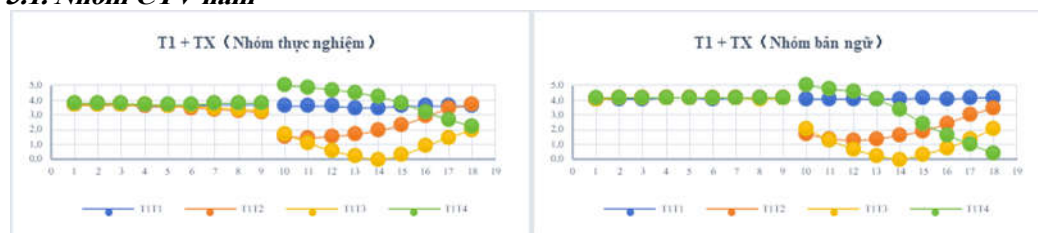
$$T = 5 \times \frac{\lg a - \lg b}{\lg a + \lg b}$$

Giá trị T là thang đo tham chiếu năm bậc giá trị tại điểm x. Cơ sở để xác định giá trị then chốt trong nghiên cứu này là giá trị trục tung trong đồ thị đường nét cao độ. 0-1,0 tương ứng với 1 độ trong kí hiệu bậc năm, 1,0-2,0 tương ứng với 2 độ, 2,0-3,0 tương ứng với 3 độ, 3,0-4,0 tương ứng với 4 độ và 4,0-5,0 tương ứng với 5 độ. Tiêu chí xác định mức độ khác biệt của các giá trị T là: $0 < \text{chênh lệch giá trị T} < 0,5$ nghĩa là không có khác biệt đáng kể, chênh lệch giá trị $T \geq 0,5$ nghĩa là có sự khác biệt, và chênh lệch giá trị $T \geq 1,0$ nghĩa là có sự khác biệt đáng kể.

3. Kết quả nghiên cứu

Để thuận tiện cho việc thống kê và phân tích dưới đây, chúng tôi gọi nhóm CTV người bản ngữ Trung Quốc là nhóm bản ngữ và nhóm CTV học sinh người Việt gốc Hoa là nhóm thực nghiệm. Thanh 1, thanh 2, thanh 3, thanh 4 được gọi tắt là T1, T2, T3 và T4. Còn TX là các thanh điệu còn lại trong tổ hợp.

3.1. Nhóm CTV nam



Hình 3.1-1. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T1+TX” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

3.1.1. Đối với Thanh 1 (T1)

- *T1 ở âm tiết đầu:* Điểm bắt đầu giá trị T của T1 trong nhóm thực nghiệm là 4 độ. Có sự thay đổi ở điểm giữa và điểm cuối, nhưng chúng vẫn được phân bố trong phạm vi 4 độ. Độ lệch giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc của T1 trong tổ hợp T1T3 và T1T4 là 0,4, nhỏ hơn 0,5. Điều này cho thấy điểm đầu và điểm cuối không có sự khác biệt lớn. Vì vậy, T1 ở âm tiết đầu của nhóm thực nghiệm là đường nét cao có giá trị [44]. Các giá trị T của đường nét cao độ ở nhóm bản ngữ đều phân bố trong phạm vi 5 độ. Do đó, T1 ở âm tiết đầu của nhóm bản ngữ là đường nét cao, bằng phẳng có giá trị [55]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ. Kết quả kiểm định cho thấy, có sự khác biệt đáng kể về điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$). Nhìn một cách tổng quát, so với nhóm bản ngữ, đường nét cao độ của nhóm thực nghiệm thấp hơn và không “ổn định” như nhóm bản ngữ.

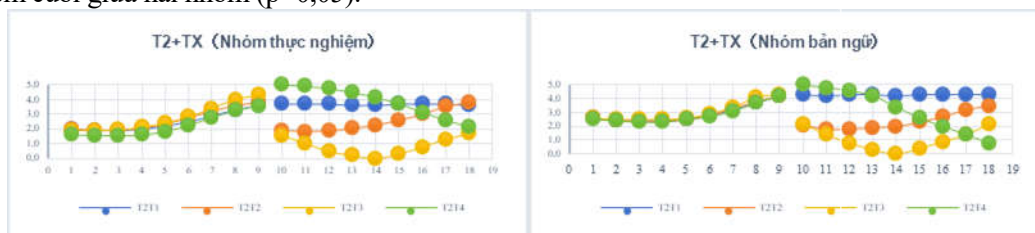


Hình 3.1-2. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T1”

giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- T1 ở âm tiết cuối

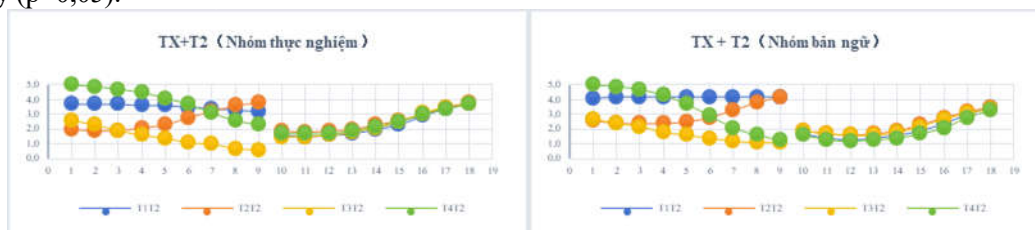
Sự khác biệt giữa điểm bắt đầu, điểm giữa và điểm cuối của giá trị T ở nhóm thực nghiệm không lớn, chúng đều phân bố giữa trong phạm vi 4 độ. Do đó, chúng tôi xác định rằng, giá trị T của nhóm thực nghiệm là [44], và có đường nét cao độ cao. Toàn bộ đường nét cao độ của nhóm bản ngữ được phân bố trong phạm vi 5 độ. Vì vậy, giá trị T của nhóm này là thanh điệu cao, mang giá trị [55]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối giữa hai nhóm ($p < 0,05$).



Hình 3.1-3. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm "T2+TX"
giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

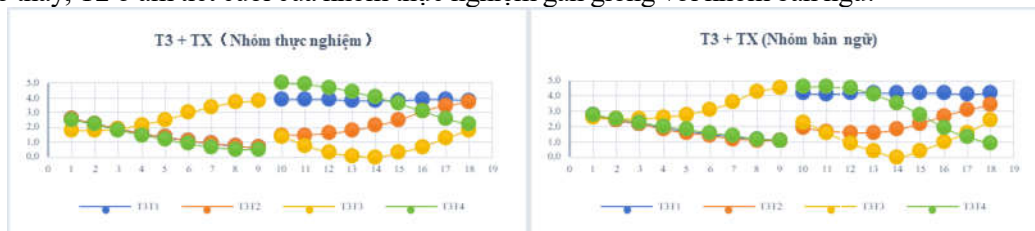
3.1.2. Đối với Thanh 2 (T2)

- T2 ở âm tiết đầu: Điểm cuối của T2 theo sau T1 và T4 vẫn nâng cao. Tuy nhiên, ở các tổ hợp khác nhau, đường nét và giá trị của T2 là khác nhau. Cụ thể, giá trị T của T2 theo sau T1, T2, T4 là [24], nhưng T2 theo sau T3 có giá trị lại là [25]. Ở nhóm bản ngữ, điểm bắt đầu và điểm kết thúc đều của T2 đều nằm trong phạm vi từ 3 đến 5 độ. Do đó, T2 ở âm tiết này của nhóm bản ngữ có giá trị là [35]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa điểm đầu và điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$). Tuy nhiên, giá trị T2 trong tổ hợp T2T3 của nhóm thực nghiệm là [25] nên chúng tôi đã thực hiện kiểm tra T-test bổ sung. Nhận thấy rằng không có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối của hai nhóm này ($p > 0,05$).



Hình 3.1-4. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm "TX+T2"
giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

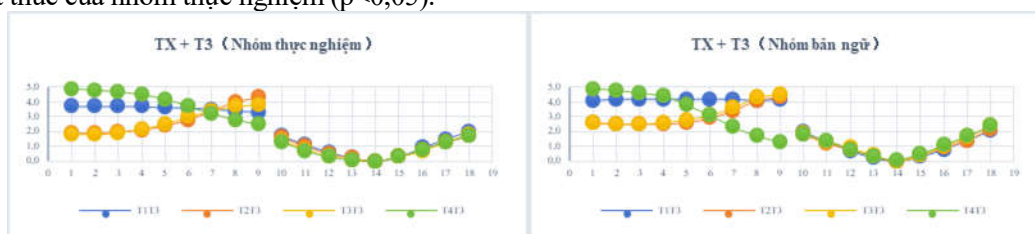
- T2 ở âm tiết cuối: Giá trị T ở điểm đầu và điểm giữa của nhóm thực nghiệm đều nằm trong khoảng 1,0-2,0 nên đều được xếp vào 2 độ. Điểm cuối nâng cao, nằm trong phạm vi 4 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối cao hơn 1. Vì vậy, chúng tôi cho rằng T2 của nhóm thực nghiệm là đường nét "đi lên" có giá trị là [24]. Giá trị T điểm bắt đầu của nhóm bản ngữ đều nằm trong khoảng 2 độ và điểm cuối nằm trong khoảng 4 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối lớn hơn 1 thể hiện tính chất "đi lên". Có thể thấy, kí tự cuối cùng của nhóm bản ngữ cũng có giá trị [24], và có chiều hướng "đi lên". Chúng tôi tiến hành kiểm tra T-test ở hai nhóm, kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm ($p > 0,05$). Điều này cho thấy, T2 ở âm tiết cuối của nhóm thực nghiệm gần giống với nhóm bản ngữ.



Hình 3.1-5. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T3+TX”
giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

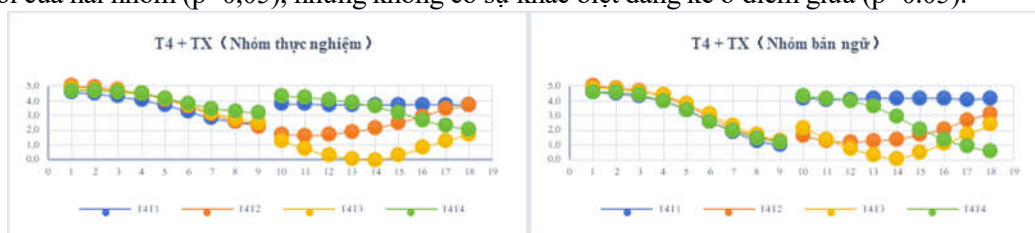
3.1.3. Đối với Thanh 3 (T3)

- *T3 ở âm tiết đầu:* Giá trị T ở điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm đều phân bố trong phạm vi 2 độ. Giá trị T tại điểm cuối đều thuộc 1 độ. Độ lệch giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc lớn hơn 1. Vì vậy, T3 của nhóm thực nghiệm được coi là đường nét rơi, giá trị [31]. Đối với nhóm bản ngữ, đường nét cao độ được phân bố trong khoảng từ 3 độ đến 2 độ. Sự chênh lệch giữa điểm đầu và điểm cuối cũng lớn hơn 1, có đặc điểm “rơi”. Vì vậy, T3 của nhóm này là đường nét rơi, giá trị [32]. So với nhóm bản ngữ, nhóm thực nghiệm không có sự khác biệt đáng kể về điểm xuất phát ($p>0,05$) nhưng có sự khác biệt về điểm cuối ($p<0,05$). Trong trường hợp này, tổ hợp T3T3 xuất hiện biến điệu, do đó chúng tôi riêng biệt phân tích tổ hợp này. Giá trị T điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm là 1,8, giá trị T điểm kết thúc là 3,8 và chênh lệch giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc là 2, lớn hơn 1. Điều này cho thấy phương hướng “đi lên”. Do đó, T3 ở tổ hợp này là thanh điệu có đường nét “đi lên”, giá trị [24]. Với nhóm bản ngữ, đường nét cao độ của nó được phân bố trong phạm vi từ 3 độ đến 5 độ. Sự chênh lệch giữa điểm đầu và điểm cuối cũng lớn hơn 1, có đặc điểm “đi lên” rõ ràng. Vì vậy, T3 ở tổ hợp này của nhóm bản ngữ là thanh điệu có đường nét đi lên, giá trị [35]. So với nhóm tiếng mẹ đẻ, có sự khác biệt đáng kể về điểm bắt đầu và điểm kết thúc của nhóm thực nghiệm ($p<0,05$).



Hình 3.1-6. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T3”
giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- *T3 ở âm tiết cuối:* Đường nét cao độ của nhóm thực nghiệm được phân bố trong phạm vi từ 2 độ đến 1 độ. Các giá trị T của điểm giữa đều bằng 0 và điểm cuối lần lượt là 2, 1,7, 1,8 và 1,7. Độ lệch giữa điểm bắt đầu và điểm giữa đều lớn hơn 1 và toàn bộ đường nét cao độ đều có hình dáng “rơi”. Độ lệch từ điểm giữa đến điểm cuối cũng lớn hơn 1 và toàn bộ đường nét cao độ có hình dáng “đi lên”. Do đó, chúng tôi xác định rằng T3 của nhóm này là thanh điệu có đường nét lõm, giá trị [212]. T3 ở các tổ hợp của nhóm bản ngữ đều có đường nét lõm, giá trị [313]. Chúng tôi kiểm định T-test lần lượt trên điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối của hai nhóm. Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa điểm đầu và điểm cuối của hai nhóm ($p<0,05$), nhưng không có sự khác biệt đáng kể ở điểm giữa ($p>0,05$).

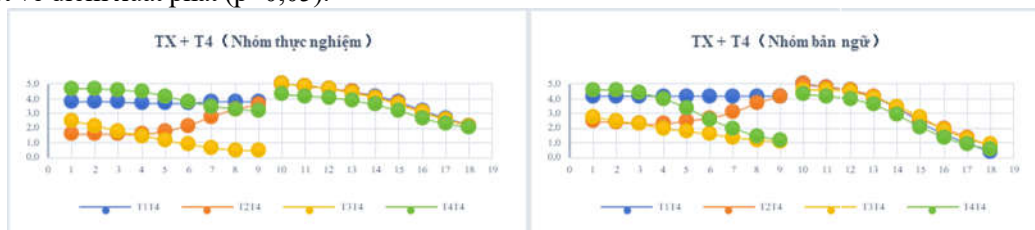


Hình 3.1-7. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T4+TX”
giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

3.1.4. Đối với Thanh 4 (T4)

- *T4 ở âm tiết đầu:* Các giá trị T ở điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm đều thuộc 5 độ. Các giá trị T ở điểm cuối được phân bố trong phạm vi 3 đến 4 độ. Sự khác biệt giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc đều lớn hơn 1. Do đó, T4 trong tổ hợp với T1, T2 và T3 là một đường nét “đi xuống”, giá trị [53]. T4 trong tổ hợp với T4 cũng có đường nét “đi xuống”, nhưng giá trị là [54]. Với nhóm bản ngữ, các giá trị T điểm đầu thuộc 5 độ, điểm kết thúc thuộc 2 độ, độ lệch giữa hai điểm lớn hơn 1. Do đó, T4 trong các tổ hợp của

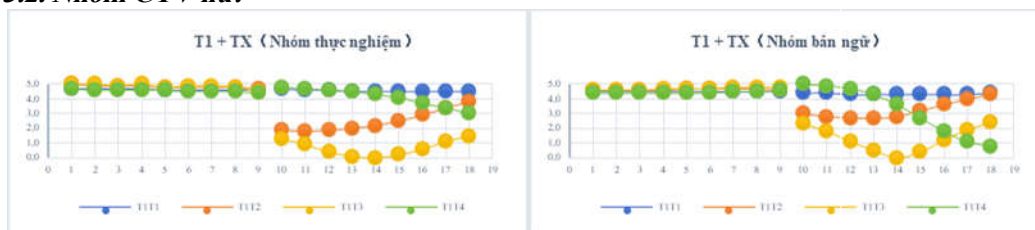
nhóm này là thanh điệu có đường nét “đi xuống”, giá trị [52]. Chúng tôi kiểm định T-test giữa 2 nhóm, kết quả kiểm tra cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt về điểm xuất phát ($p > 0,05$).



Hình 3.1-7. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T4” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- T4 ở âm tiết cuối: Giá trị T ở điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm thuộc 5 độ, điểm kết thúc rơi vào 3 độ. Độ lệch giữa 2 điểm lớn hơn 1. Do đó, chúng tôi cho rằng, T4 trong các tổ hợp của nhóm này có đường nét “đi xuống”, giá trị [53]. Với nhóm bản ngữ, các giá trị T điểm bắt đầu thuộc 5 độ, điểm kết thúc thuộc 1 độ, độ lệch giữa điểm bắt đầu và kết thúc lớn hơn 1. Do đó, T4 trong các tổ hợp của nhóm này là thanh điệu có đường nét “đi xuống”, giá trị [51]. Chúng tôi kiểm định T-test giữa 2 nhóm, kết quả kiểm tra cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt về điểm xuất phát ($p > 0,05$).

3.2. Nhóm CTV nữ:



Hình 3.2-1. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T1+TX” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

3.2.1. Đối với Thanh 1 (T1)

- T1 ở âm tiết đầu: Giá trị T của điểm bắt đầu và điểm kết thúc của nhóm thực nghiệm đều thuộc 5 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối nhỏ hơn 0,5. Vì vậy, chúng tôi xác định rằng, T1 trong các tổ hợp của nhóm này có đường nét cao, giá trị [55]. Với nhóm bản ngữ, các giá trị T đều phân bố trong phạm vi 5 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối cũng nhỏ hơn 0,5. Có thể thấy, đường nét cao độ của nhóm này được xem là cao và bằng, giá trị [55]. Chúng tôi tiến hành kiểm tra T-test, kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối của cả hai nhóm ($p > 0,05$).



Hình 3.2-2. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T1” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- T1 ở âm tiết cuối: Giá trị T của điểm bắt đầu và điểm kết thúc của nhóm thực nghiệm đều thuộc 5 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối nhỏ hơn 0,5. Vì vậy, chúng tôi xác định rằng, T1 trong tổ hợp với T1, T2, T3 của nhóm này có đường nét cao, giá trị [55]. Nhưng T1 trong tổ hợp với T4 có đường nét cao, giá trị [44]. Với nhóm bản ngữ, các giá trị T đều phân bố trong phạm vi 5 độ. Do đó, đường nét cao độ của

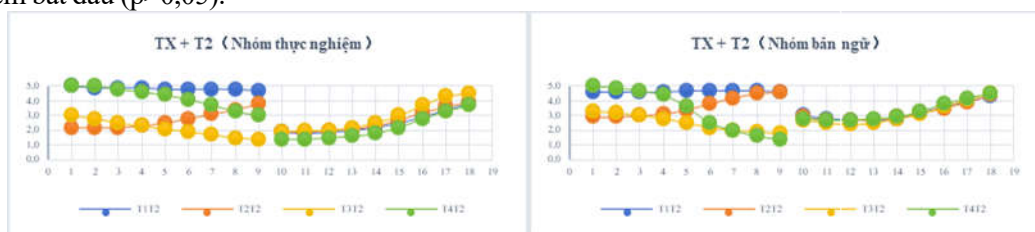
nhóm này là cao và bằng, giá trị [55]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test với tổ hợp T4T1, kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối của cả hai nhóm ($p < 0,05$).



Hình 3.2-3. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T2+TX” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

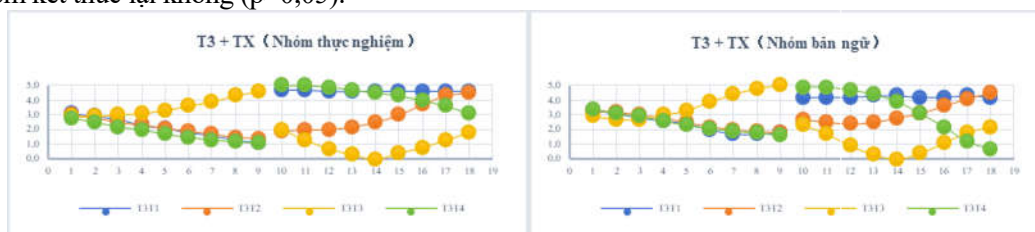
3.2.2. Đối với Thanh 2 (T2)

- *T2 ở âm tiết đầu:* Ở nhóm thực nghiệm, T2 trong tổ hợp với T1, T4 có đường nét đi lên, giá trị [24]; trong tổ hợp với T2 lại là đường nét đi lên ít, giá trị [34]; trong tổ hợp với T3 có đường nét đi lên cao, giá trị [35]. Với nhóm bản ngữ, giá trị T của điểm đầu thuộc 3 độ, điểm kết thúc thuộc 5 độ, độ lệch giữa 2 điểm lớn hơn 1. Vì vậy, T2 của nhóm này là một đường nét đi lên với giá trị [35]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test ở ba tổ hợp T1T2, T2T2 và T4T2 của nhóm thực nghiệm và nhóm tiếng bản ngữ. Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt ở điểm đầu và điểm cuối của hai nhóm T1T2 và T4T2 ($p < 0,05$). Ở nhóm T2T2, có sự khác biệt đáng kể giữa hai điểm cuối ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt đáng kể ở điểm bắt đầu ($p > 0,05$).



Hình 3.2-4. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T2” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- *T2 ở âm tiết cuối:* Ở nhóm thực nghiệm, T2 trong tổ hợp T1, T2 và T4 có đường nét đi lên dạng lồi với giá trị [24], nhưng trong tổ hợp với T3 là đường nét đi lên dạng lõm, giá trị [25]. Các giá trị T ở nhóm bản ngữ đều phân bố trong khoảng từ 3 độ đến 5 độ. Độ lệch giữa điểm đầu và điểm cuối đều lớn hơn 1. Có thể thấy, T2 trong các tổ hợp đều có giá trị [35], là đường nét dạng lõm đi lên. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả cho thấy điểm đầu và điểm cuối của T2 ở tổ hợp T1T2, T2T2 và T4T2 có sự khác nhau đáng kể ($p < 0,05$). Điểm đầu của T2 ở tổ hợp T3T2 có sự khác nhau đáng kể ($p < 0,05$), nhưng điểm kết thúc lại không ($p > 0,05$).

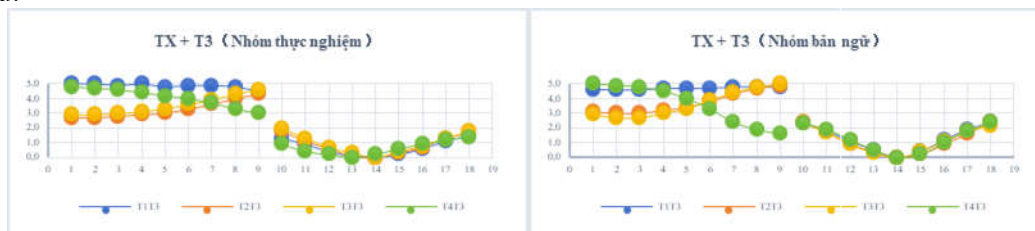


Hình 3.2-5. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T3+TX” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

3.2.3. Đối với Thanh 3 (T3)

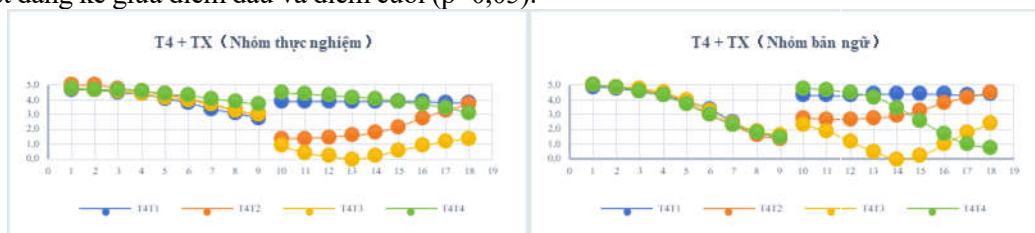
- *T3 ở âm tiết đầu:* Ở nhóm thực nghiệm, T3 trong tổ hợp với T1 có đường nét rơi, giá trị [42]. T3 trong tổ hợp với T2 và T4 có đường nét rơi, giá trị [32]. Các giá trị T ở điểm bắt đầu của nhóm bản ngữ đều nằm trong phạm vi 4 độ, điểm kết thúc thuộc 2 độ. Độ lệch giữa hai điểm lớn hơn 1. Vì vậy, T3 ở các tổ hợp của nhóm này là thanh điệu đi xuống với giá trị [42]. Chúng tôi kiểm định T-test ở T3T2 và T3T4.

Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm xuất phát của cả hai ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối ($p > 0,05$). Nhóm T3T3 có hiện tượng biến điệu. Giá trị T của điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm là 2,9, điểm kết thúc là 4,6 và chênh lệch giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc là 1,7, lớn hơn 1. Vì vậy, T3T3 của nhóm này có đường nét đi lên, giá trị [35]. Tổ hợp này gần với nhóm bản ngữ.



Hình 3.2-6. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T3” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

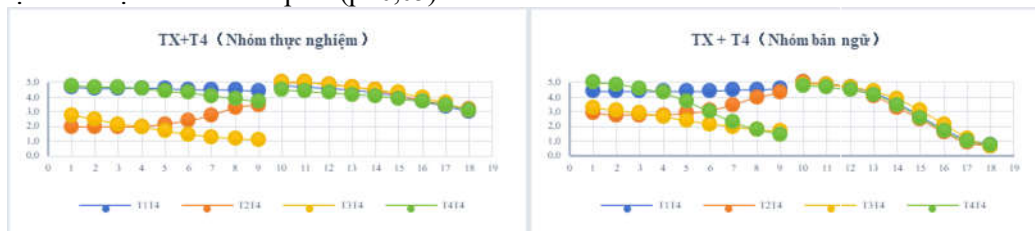
- T3 ở âm tiết cuối: Giá trị T ở điểm bắt đầu của nhóm thực nghiệm đều thuộc từ 1 đến 2 độ, điểm giữa phân bố trong phạm vi 1 độ và điểm cuối đều nằm trong phạm vi 2 độ. T3 trong tổ hợp với T1, T2 và T4 có đường nét lõm, giá trị [212], T3 trong tổ hợp với T4 lại có giá trị [112]. Tuy có giá trị là vậy, nhưng xét về mặt thính giác vẫn nghe ra âm sắc của thanh 3. Với nhóm bản ngữ, T3 ở các tổ hợp đều có đường nét lõm với giá trị [313]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test tại điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối của hai nhóm. Kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt đáng kể ở điểm giữa ($p > 0,05$), nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa điểm đầu và điểm cuối ($p < 0,05$).



Hình 3.2-7. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “T4+TX” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

3.2.4. Đối với Thanh 4 (T4)

- T4 ở âm tiết đầu: Các giá trị T ở điểm đầu của nhóm thực nghiệm đều thuộc 5 độ, điểm cuối phân bố trong khoảng từ 3 đến 4 độ. Độ lệch giữa 2 điểm đều lớn hơn 1, điều này cho thấy đường nét tổng thể có xu hướng “đi xuống”. Do đó, T4 trong tổ hợp với T1, T2, T3 là đường nét rơi [53], T4 trong tổ hợp với T4 là đường nét rơi [54]. Với nhóm bản ngữ, đường nét cao độ đều phân bố trong phạm vi từ 5 độ đến 2 độ, độ lệch giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc lớn hơn 1. Nhìn chung, toàn bộ đường nét cao độ có đặc điểm “đi xuống”. Do đó, T4 của nhóm này có giá trị [52], là một đường nét rơi. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả kiểm tra cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt ở điểm xuất phát ($p > 0,05$).



Hình 3.2-8. Đồ thị đường nét cao độ của nhóm “TX+T4” giữa nhóm thực nghiệm và nhóm bản ngữ

- T4 ở âm tiết cuối: Các giá trị T ở điểm đầu của nhóm thực nghiệm đều thuộc 5 độ, điểm cuối phân bố trong khoảng từ 3 đến 4 độ. Độ lệch giữa 2 điểm đều lớn hơn 1, điều này cho thấy đường nét tổng thể có

xu hướng "đi xuống". Do đó, T4 trong tổ hợp với T3 là đường nét rơi [53], T4 trong tổ hợp còn lại là đường nét rơi [54]. Với nhóm bản ngữ, nhìn chung, toàn bộ đường nét cao độ có đặc điểm "đi xuống", có giá trị [51]. Chúng tôi tiến hành kiểm định T-test, kết quả kiểm tra cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm cuối của cả hai ($p < 0,05$), nhưng không có sự khác biệt ở điểm xuất phát ($p > 0,05$).

4. Kết luận

Bài viết chủ yếu tiến hành phân tích âm học đối với thanh điệu trong các từ song âm tiết giữa CTV người Việt gốc Hoa và CTV người bản ngữ. Đường nét thanh 1 trong các âm tiết đầu và âm tiết cuối ở CTV nam và nữ người Việt gốc Hoa không "ổn định" như CTV người bản ngữ Trung Quốc. Hầu hết thanh 2 xuất hiện ở âm tiết đầu và âm tiết cuối ở CTV nam và nữ người Việt gốc Hoa đều có cao độ là [24]. Tuy nhiên, đối với CTV nữ, trong hai tổ hợp "thanh 2 + thanh 3" và "thanh 3 + thanh 3", thanh 2 ở âm tiết đầu và thanh 3 ở âm tiết đầu có cùng cao độ [35] và đường nét thanh điệu giống nhau. Ngoài ra, cả CTV nam và nữ đều gặp vấn đề đối với thanh 4 ở âm tiết đầu và âm tiết cuối. Vị trí điểm kết thúc thanh 4 luôn cao hơn so với CTV người bản ngữ Trung Quốc.

Vì nhiều lí do khách quan chúng tôi vẫn không thể tránh được nhiều thiếu sót như: Thứ nhất, số lượng CTV tham gia chưa nhiều. Thứ hai, bài viết chỉ nghiên cứu thanh điệu ở từ song âm tiết, trong tương lai chúng tôi cũng cần phải phân tích ở từ đơn âm tiết, đa âm tiết, v.v để thu được kết quả có độ chính xác cao hơn. Cuối cùng, bài viết chỉ tiến hành khảo sát trên học sinh có trình độ tiếng Trung trung cấp nên không thể so sánh theo chiều dọc.

Chú thích:

¹ Truy cập trên mạng, ngày 17/09/2024 <https://zh.vietnamplus.vn/2019年越南人口和住房普查正式结果对外公布/106438.vnp>.

² Truy cập trên mạng, ngày 17/09/2024 <https://zh.vietnamplus.vn/越南心中的华裔越南人/26558.vnp>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bạch Văn Phát (2021), *Phân tích lỗi sai của học sinh Việt Nam khi phát âm âm vị /a/ trong tiếng phổ thông Trung Quốc* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm TP. HCM.

Tiếng Trung Quốc

2. 鲍怀翘、林茂灿 (Bao, H. Q. & Lin, M. C.) (2014), 《实验语音学概要 (增订版)》, 北京: 北京大学出版社.
3. 邓宏丽、张潇芝 (Deng, H. L. & Zhang, S. Z.) (2016), 《越南学生汉语语音学习难点分析——以广西科技师范学院为例》, 《广西科技师范学院学报》(第 31 期), 第 33-36 页.
4. 董婷婷 (Dong, T. T.) (2018), 《初级汉语水平美国学生两字调发音与感知研究》[硕士学位论文, 北京语言大学], 中国知网 (CNKI).
5. 范秀英 (Fan, X. Y.) (2020), 《越南留学生汉语声调的实验与习得研究——以塞 (擦) 音、擦音为例》[硕士学位论文, 湖南大学], 中国知网 (CNKI).
6. 教育部中外语言交流合作中心 (2021), 《国际中文教育中文水平等级标准》, 北京: 北京语言大学出版社.
7. 罗彩文 (Luo, C. W.) (2016), 《越南留学生汉语声调调型习得问题探析》, 《新西部》(09), 第 157-160 页.
8. 黄碧玉 (Huang, B. Y.) (2011), 《越南学生汉语习得中的区域性语音偏误研究》[硕士学位论文, 华中师范大学], 中国知网 (CNKI).
9. 石锋、廖荣蓉 (Shi, F. & Liao, R. R.) (1994), 《语音丛稿》, 北京大学出版社, 第 12-13 页.

10. 吴宗济 (Wu, Z. J.) (1982), 《普通话句中的声调变化》, 载《吴宗济语言学论文集》, 商务印书馆.
11. 吴门吉、胡明光 (Wu, M. J. & Hu, M. G.) (2019), 《越南学生汉语声调偏误溯源》, 《世界汉语教学》(第2期), 第81-87页.
12. 杨松 (Yang, S.) (2023), 《柬埔寨小学生汉语声调偏误声学实验分析》[硕士学位论文, 哈尔滨师范大学], 中国知网 (CNKI).

Tiếng Anh

13. Howie, J. M. (1976), *Acoustical studies of Mandarin vowels and tones* (No.6). Cambridge University Press.

A preliminary study on the tonal pronunciation of Chinese two-character words produced by Vietnam Born Chinese students (experimental study)

Abstract: This experiment mainly used acoustic analysis to explore the pronunciation ability of tones in Chinese double-character words produced by Vietnam Born Chinese students. A total of 12 Vietnam Born Chinese students and 10 native Chinese speakers, 4224 data were analyzed. The results show that the tone patterns of first tone of the first and last characters produced by Vietnam Born Chinese male and female subjects are not as "stable" as native Chinese speakers. The vast majority of tone 2 appearing in the combinations of male and female Vietnam Born Chinese students have a pitch of [24]. In addition, the male and female Vietnam Born Chinese subjects had problems with the tone value and contour of fourth tone of the first and last character, the final points are always higher than those of native Chinese speakers.

Key words: Vietnamese students; Vietnam Born Chinese; Chinese tone; acoustic analysis; language acquisition.

PHỤ LỤC DANH SÁCH TỪ KHẢO SÁT

1	偷偷	青春	咖啡	背包	光辉	推开
2	推迟	知名	歌词	关怀	森林	观察
3	单打	思考	奔跑	相反	精美	当场
4	高大	希望	相互	深厚	开设	欢乐
5	梅花	摩擦	投资	流通	红包	职工
6	长途	平衡	神奇	排除	时长	仍然
7	存款	遗产	为止	圆满	描写	无法
8	文化	时代	盒饭	难看	学位	容易
9	解说	启发	马车	可惜	粉丝	烤鸭
10	选择	朗读	脸盆	改革	只得	补习
11	奶粉	保姆	考场	古老	体检	美好
12	打败	肯定	广泛	大米	改正	恐怕
13	特殊	召开	证书	帅哥	闹钟	目标
14	适合	阅读	教堂	落实	复习	话题
15	月底	恰好	热点	赛场	后悔	数码
16	被告	制作	特色	自动	用户	立刻